TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/DS-PT
Ngày: 27/5/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp*: Bà Phạm Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 tháng 4 và 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS - ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2019/QĐ – PT ngày 25/3/2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1929;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1972;

2. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị C: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1969;

4. Anh Phan Văn N, sinh năm 1988;

5. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, H2, N là ông Phan Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1962;

7. Nguyễn Thị Bé H4, sinh năm 1981;

8. Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1983;

9. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1985;

10. Nguyễn Thị Kim H5, sinh năm 1990;

11. Lê Thị Tuyết N1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông T1 - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

(Có mặt: Ông V, ông L, bà H3; vắng mặt: Chị Bé H4, chị Bé E, chị Bé T, chị Kim H5, chị Tuyết N1, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc đất diện tích là 458,1m^2 hiện đang tranh chấp là do vợ chồng bà Nguyễn Thị H, Phan Văn H6 (ông H6 chết năm 1971) bồi đắp từ trước năm 1975. Sau đó thì đào ao để nuôi cá. Đến năm 1996-1998 do việc nuôi cá bị lỗ nên đã san lấp ban bờ để sử dụng vào việc trồng cây (xoài, mít, chuối), hiện tại các loại cây vẫn còn, xoài trồng được 20 năm, đến năm 2010 bà H trồng mít. Đến năm 2006-2007 bà H có cho con trai ruột là Phan Văn L đi nhờ phần đất này. Đến năm 2012 L ngang nhiên cất nhà trên đất này (ngang 4,4m, dài 15m) mà không hỏi ý kiến của bà H. Bà H có đến tranh cản (chỉ nói miệng không có chứng gì chứng minh) nhưng ông L nói khi nào bà H cần sẻ trả lại đất cho bà H, do nghĩ tình mẹ con nên vẫn cho ông L ở tạm. Sau đó ông L đi kê khai và đã

được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy CN QSD đất bà H không hay biết. Nay bà H yêu cầu hộ ông L di dời toàn bộ công trình vật kiến trúc trả cho bà H diện tích 458,1m^2 và công nhận quyền sử dụng đất cho bà H là 458,1m^2 thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, L, Đồng Tháp, yêu cầu hủy giấy CN QSD đất do ông Phan Văn L đứng tên cấp ngày 10/05/2011 thửa số 69 tờ bản đồ số 12. Đối với phần đất mà bà H3 đang ở, bà H không có tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Vẫn cho bà H3 tiếp tục ở, khi nào phát sinh tranh chấp bà H sẻ khởi kiện bà H3 bằng vụ án khác.

Về vấn đề vị trí đất tranh chấp: đề nghị Tòa án nhân dân huyện L xem xét làm rõ vị trí thửa đất bà H đang tranh chấp với ông Phan Văn L để đảm bảo sự thật khách quan và đảm bảo quyền lợi của bà Nguyễn Thị H

Bị đơn Phan Văn L trình bày và đại diện ủy quyền của Nguyễn Thị Ngọc H1, Phan Văn N, Nguyễn Thị H2 trình bày: Ông L là con ruột của bà H, ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, lý do nguồn gốc đất là của ông bà ngoại của ông L cho cha mẹ ông L là bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn H6 (ông H6 chết năm 1971). Ông L bắt đầu sử dụng từ năm 1988- 1989 (trồng cây cồng, trồng chuối), năm 2010 sáng múc rạch Cái Dầu, ông L mới bang ra thành thửa đất như bây giờ. Sau đó mẹ ruột là bà H làm thủ tục chuyển nhượng cho ông L vào ngày 09/4/2004, cấp đổi theo bản đồ địa chính, chính quy ngày 10/5/2011 do ông L đứng tên QSD đất, hiện nay có căn nhà trên đất do ông L cất vào năm 2012 loại nhà cấp 4, khi ông L xây dựng nhà không ai đứng ra tranh cản gì. Và ông L cũng cho nhà bà H3 ở nhờ trên đất. Phần đất 458,1m^2 thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, L, Đồng Tháp ông L chỉ đồng ý cho anh em ruột là ông Phan Văn D, Phan Thị K, Phan Văn M, Nguyễn Văn O (cậu ruột) của ông L, ông L không đồng ý trả lại cho mẹ là bà H, việc ông L đồng ý chia phần đất này cho D, K. M, O là sau này ông L tự chia cho và tách quyền sử dụng đất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ông L thống nhất cho hộ bà H3 tiếp tục ở, việc tách quyền sử dụng đất cho bà H3 thì ông L và bà H3 tự thực hiện sau này không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp gì thì ông L yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Hiện nay bà H đang ở với Phan Văn Đ là em ruột ông L. Trước đây Nhà nước có thu hồi đất và đền bù (khi giải tỏa làm Quốc lộ 54) bà H và ông Đ đã nhận khoảng hơn 800.000.000đ, số tiền này bà H với ông Đ sử dụng không chia cho anh chị em ông. Xoài trên đất tranh chấp là do ông L trồng năm 2000, trước

đây đất này là đất ao khi sáng cạp lên ông L mới bang ra để trồng cây bà H trình bày xoài do bà H trồng là không đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H3 trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa bà H và ông L trước đây khoảng năm 1980 bà ngoại của ông L tên Bùi Thị D1 (là mẹ của bà H) cho chị chồng bà H3 tên Huỳnh Thị D2 cất nhà tạm ở sau đó chị chồng bà H3 chết, bà H3 tiếp tục ở tới nay vì bà H3 là dâu trong gia đình. Bà H3 hiện đang cất nhà trên thửa đất số 69, tờ bản đồ số 12 do Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất và hiện nay bà H3 yêu cầu được tiếp tục ở nền nhà này, nhưng bà H3 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Việc bà H3 thay đổi hiện trạng đất đang tranh chấp (bà H3 sửa nhà) là sau việc thẩm định và định giá của Tòa án L nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H thì bà H3 tự chịu mọi chi phí di dời phần bà H3 mới sửa chữa nhà sau khi thẩm định của Tòa án, không yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Bé H1, Nguyễn Thị Bé E, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Kim H5, Lê Thị Tuyết N1 không trình bày ý kiến về vụ án mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T1, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trong quá trình thu thập chứng cứ trình bày: Ngày 27/11/1991, bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tổng diện tích là 4.480m^2, trong đó có thửa số 377b, tờ bản đồ 03a (theo bản đồ 299) diện tích 490m^2, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 10/7/2004, bà Nguyễn Thị H đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho ông Phan Văn L (là con ruột của bà H) đối với thửa số 377b, tờ bản đồ 03a (theo bản đồ 299) diện tích 490m^2, hộ ông Phan Văn L đã được đứng tên QSD đất cấp ngày 09/8/2004.

Đến tháng 6/2010, ông L lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 377b, tờ bản đồ 03a (theo bản đồ 299) diện tích 490m^2 thành thửa 69, tờ bản đồ số 12 (theo bản đồ địa chính, chính quy) đo đạc thực tế diện tích là 458,1m^2 (giảm diện tích 31,9m^2) và hộ ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/2011.

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H vào năm 1991 và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho hộ ông Phan Văn L vào năm 2004 và cấp đổi vào năm 2011 là đúng quy định thời điểm cấp đất. Ông T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án dân sự số 51/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hộ ông Phan Văn L trả lại diện tích 458,1m^2 thuộc thửa 69 tờ bản đồ số 12 do hộ Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số BD 693858, số vào sổ CH02858 cấp ngày 10/5/2011 thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 12 do hộ Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2018 bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L với nội dung: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Phan Văn L di dời toàn bộ công trình kiến trúc trên phần đất tranh chấp, trả lại diện tích 458,1m^2 (đo đạc thực tế 442,2m^2) thửa số 69, tờ bản đồ số 12, do ông L đứng tên quyền sử dụng đất cho bà được tiếp tục sử dụng và được công nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 693858, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/5/2011 cho ông Phan Văn L.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn V trình bày: Tại Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án Nhân dân huyện L xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, sau đó bà H kháng cáo với lý do năm 2004 bà H cho ông L và có trích lục bản đồ thửa đất số 377b ngày 20/7/2004 đã xác định thửa 377b ở vị trí phía bắc Quốc lộ 54 nhưng Công văn số 106/UBND-HC ngày 21/5/2019 của Ủy ban Nhân dân xã Đ xác định thửa 377b ở vị trí phía nam Quốc lộ 54 (vị trí phần đất tranh chấp) ngược lại trích lục bản đồ ngày 20/7/2004. Ngoài ra, ông L khai tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/4/2019 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trích lục bản đồ nào đúng. Do đó, đề nghị ngừng phiên tòa để làm rõ. Trường hợp, đề nghị ngừng phiên tòa không được chấp nhận thì đề chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sữa Bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Phan Văn L trình bày: Những lời trình bày của ông V hoàn toàn không có căn cứ vì từ khi bà H tặng cho đến nay ông sử dụng để cất nhà ở, trồng cây ăn trái bà H cũng không có tranh chấp gì nên ông không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng thửa 377b liền kề với thửa 377a, 656/377a, 649, 655/377c theo trích lục bản đồ ngày 20/7/2004; còn vị trí đất tranh chấp có một cạnh giáp với sông Cái Dầu nên phần đất tranh chấp không phải thửa 377b.

Căn cứ vào Công văn số 106/UBND-HC ngày 21/5/2019 của Ủy ban Nhân dân xã Đ có nội dung xác định thửa 377b, tờ bản đồ 3a (theo bản đồ 299) có vị trí một cạnh hướng Nam giáp sông Cái Dầu, khi chuyển sang bản đồ chính quy là thửa 69, tờ bản đồ số 12 thì hướng Nam cũng giáp sông Cái Dầu. Từ đó, có thể thấy rằng việc trích lục bản đồ ngày 20/7/2004 là không chính xác nên xác định thửa 69 chính là thửa 377b mà bà H đã chuyển nhượng cho ông L vào năm 2004. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Phan Văn L di dời toàn bộ công trình kiến trúc trên phần đất tranh chấp, trả lại diện tích 458,1m^2 (đo đạc thực tế 442,2m^2) thửa số 69, tờ bản đồ số 12, do ông L đứng tên quyền sử dụng đất cho bà được tiếp tục sử dụng và được công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 693858, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/5/2011 cho ông Phan Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Văn V trình bày: theo trích lục bản đồ ngày 20/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ thì thửa 337b có vị trí hướng Nam giáp quốc lộ 54. Tuy nhiên, hiện trạng diện tích đất tranh chấp thửa số 69, tờ bản đồ số 12, do ông L đứng tên quyền sử dụng đất lại có vị trí hướng Bắc giáp Quốc lộ 54 còn hướng Nam giáp sông Cái Dầu. Như vậy diện tích đất tranh chấp không phải là thửa 337b mà bà H đã chuyển nhượng cho ông L vào năm 2004. Do đó yêu cầu ông L trả lại diện tích đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông L tại thửa 69 tờ bản đồ số 12 để cấp lại cho bà H.

Theo xác nhận tại công văn số 106/UBND-HC ngày 21/5/2019 của UBND xã Đ thì thửa 377b, tờ bản đồ số 3a theo bản đồ 299, này là thửa 69, tờ bản đồ số 12. Vào năm, 1991 bà Nguyễn Thị H được cấp QSDĐ đối với thửa 377b, đến năm 2004 bà H đã chuyển nhượng cho ông L toàn bộ thửa 377b, đến ngày 10/5/2011 ông L đăng ký cấp đổi lại là thửa 69, tờ bản đồ số 12. Đối với vị trí thửa đất số 337b trước đây có vị trí Hướng bắc giáp Hương Lộ 37 (này là Quốc lộ 54), hướng Nam giáp sông Cái Dầu; hướng đông giáp sông Cái Dầu, hướng tây giáp thửa số 11 tờ bản đồ số 27 của bà Lưu Thị L1.

Do đó việc ông V trình bày diện tích đất tranh chấp tại thửa số 69 hiện nay không phải là thửa 377b mà bà H đã chuyển nhượng cho ông L vào năm 2004 là không phù hợp. Đồng thời, ông V yêu cầu xác định trích lục bản đồ nào đúng, Hội đồng xét xử xem xét đã có đủ căn cứ xác định thửa 377b theo bản đồ 299 nay là thửa 69 theo bản đồ địa chính chính quy là phần diện tích đất tranh chấp giữa bà H với hộ ông L nên không cần thu thập chứng cứ theo yêu cầu của ông V như đã nhận định trên.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện L.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Do bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hộ ông Phan Văn L gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1969; anh Phan Văn N, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989 và ông Phan Văn L trả lại diện tích 458,1m^2, đo đạc thực tế 442,2m^2, thuộc thửa 69 tờ bản đồ số 12 do hộ Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (kèm theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ ngày 05/4/2016 của Tòa án Nhân dân huyện L và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 13/4/2016 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 693858, số vào sổ CH02858 cấp ngày 10/5/2011 thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 12 do hộ Phan Văn L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là: 2.124.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng) số tiền này bà H đã nộp 2.224.000 đồng, đã chi xong còn thừa trả lại cho bà H 100.000 đồng (Tòa án Nhân dân huyện L đang giữ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/5/2015 theo biên lai số 037108 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Nước